CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - CTCP

Ngày 30/09/2024	31,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**-7.6%**	**-9.0%**

DT thuần
Q3/24
5,262
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,183| -18.3%
YoY: ▼13,403| -71.8%

LN thuần
Q3/24
8.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.3| 708%
YoY: ▼13.3| -60.0%

LN sau thuế
Q3/24
6.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.08| -37.8%
YoY: ▼24.9| -78.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
1.1%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE (TTM)
Q3/24
0.9%
YoY: +/-▼ 0.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	31,200 - 42,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,700
Số lượng CPLH (CP)	500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,200
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.82
EPS	45
P/E	701.8

DT thuần
9T 2024
16,505
tỷ VNĐ
YoY: ▼13,497| -45.0%

LN thuần
9T 2024
22.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.70| -16.9%

LN sau thuế
9T 2024
27.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.0| -33.7%

Cơ cấu sở hữu

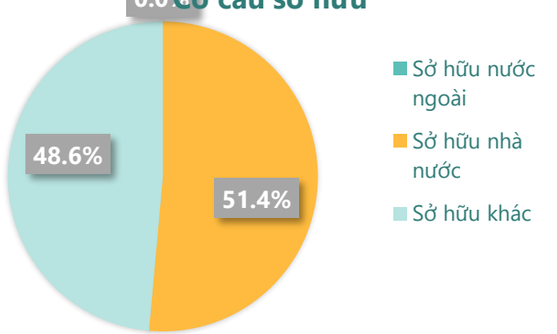

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

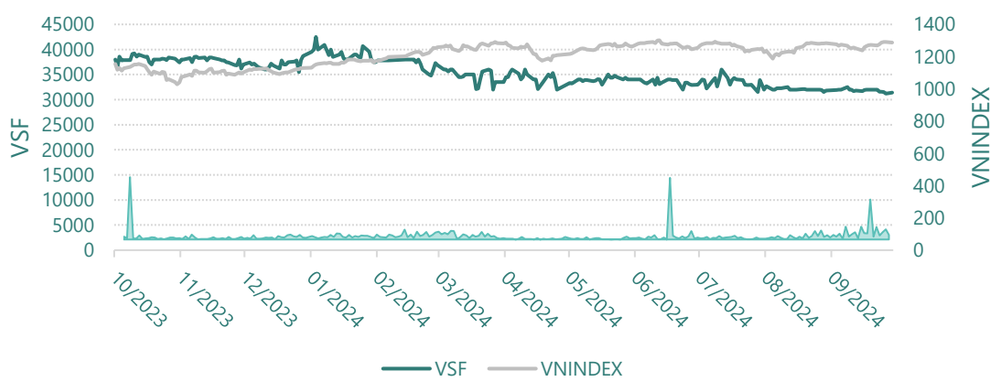

Cơ cấu cổ đông

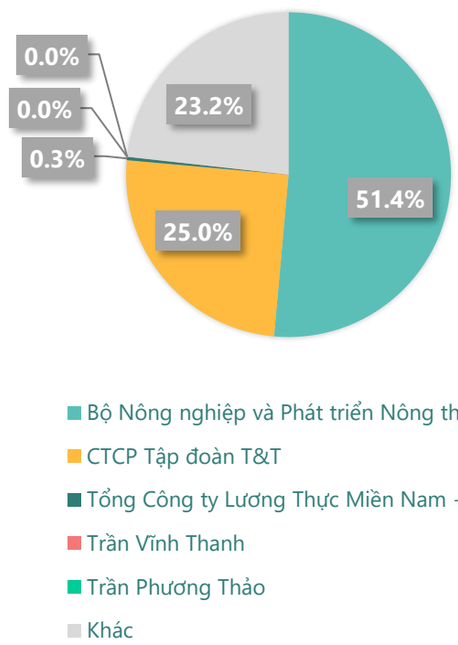

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

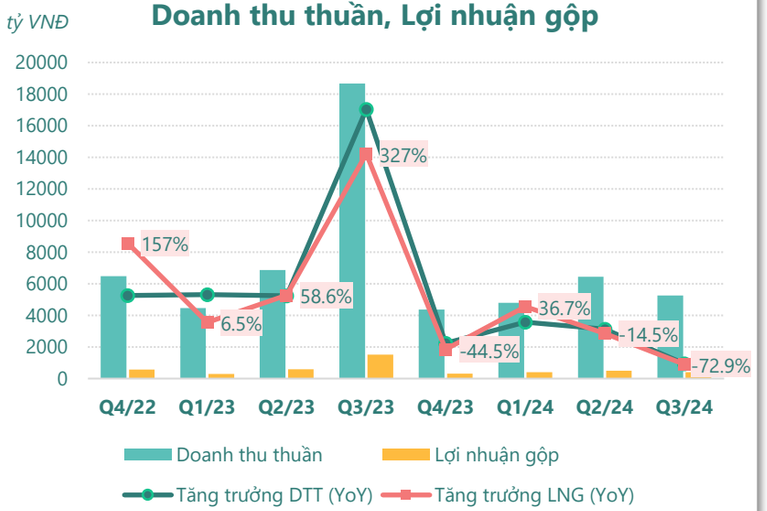

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

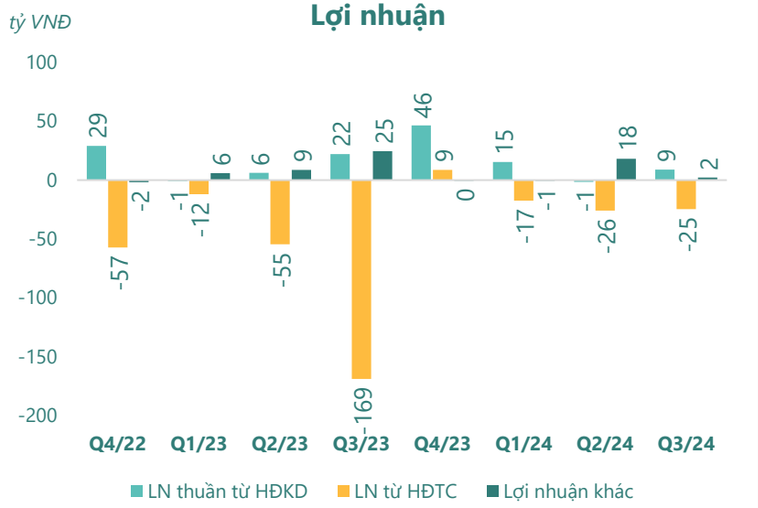

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

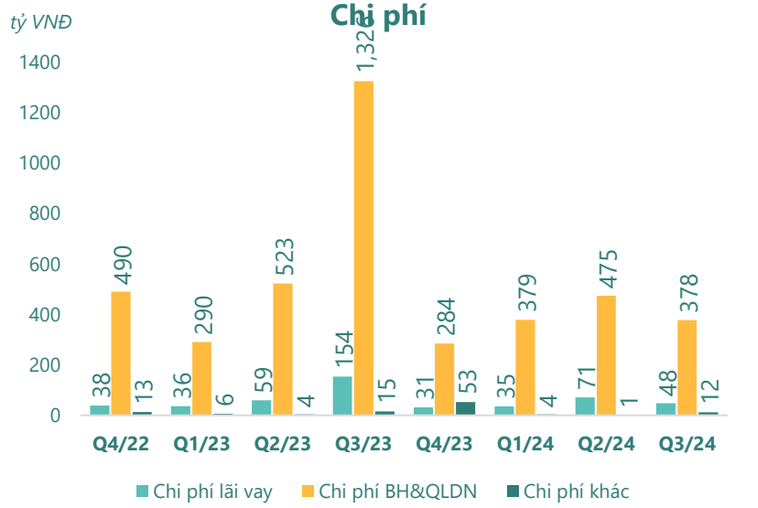

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

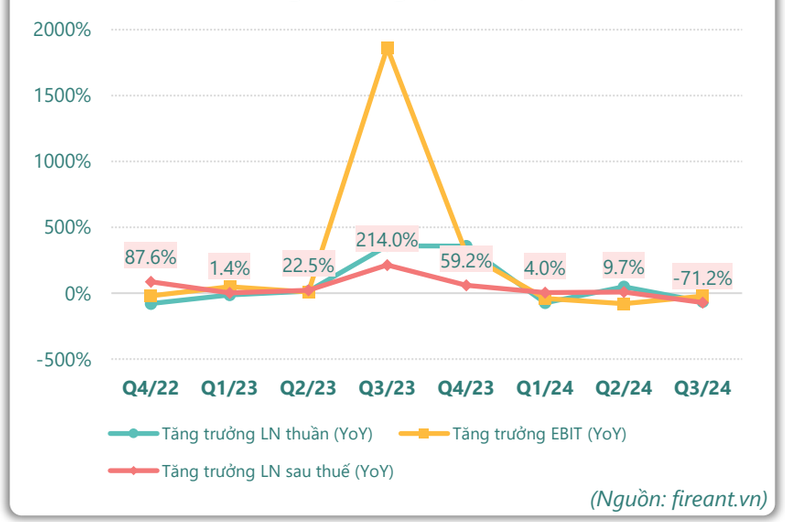

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

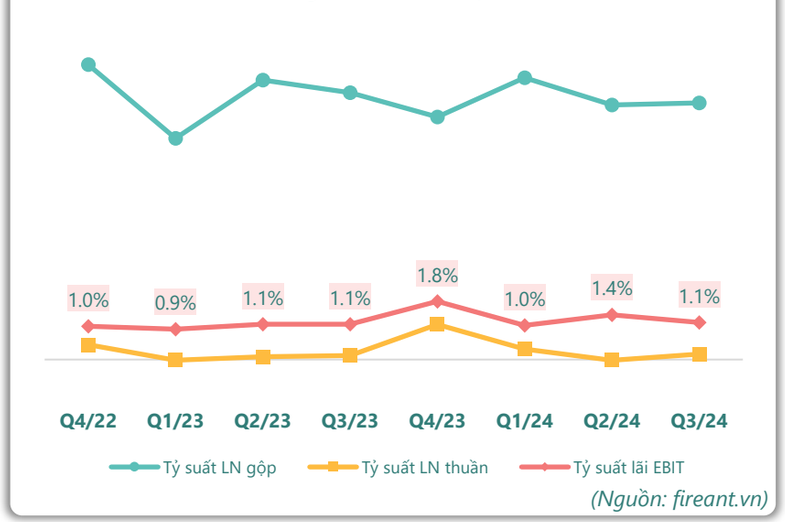

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

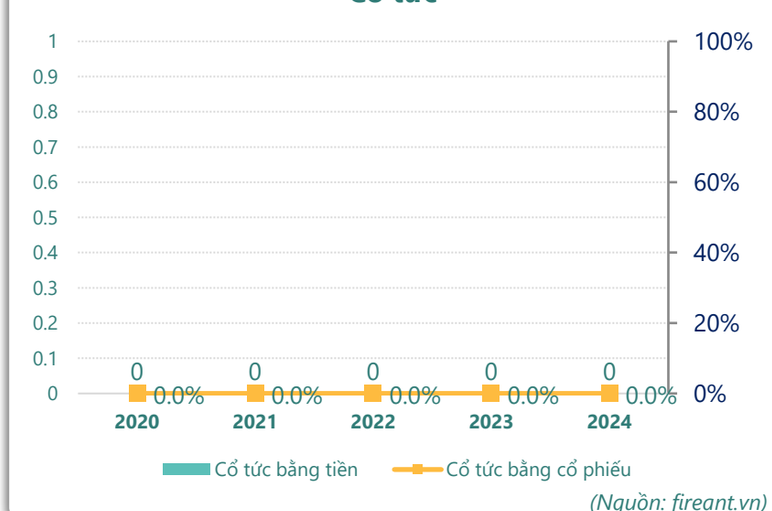

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

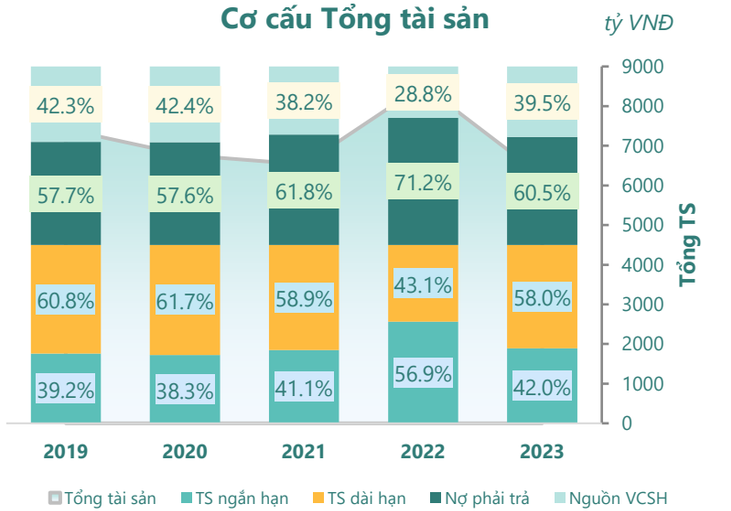

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

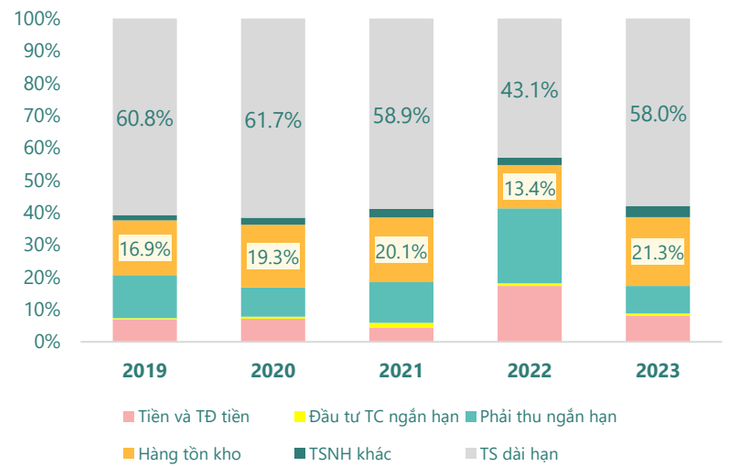

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

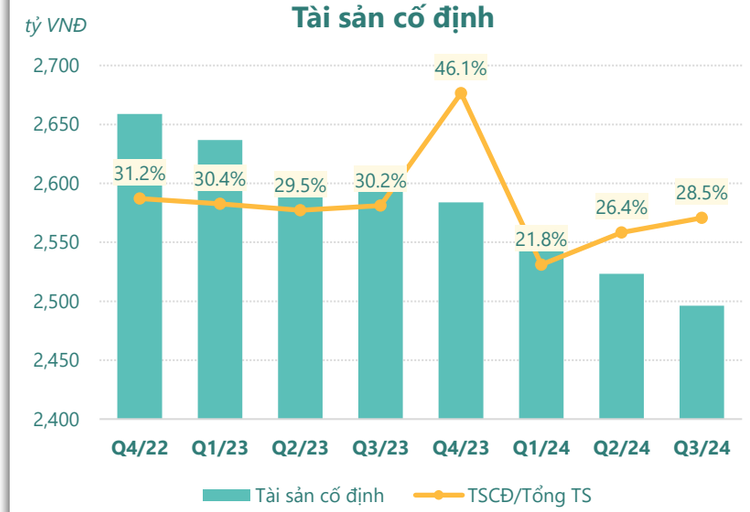

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

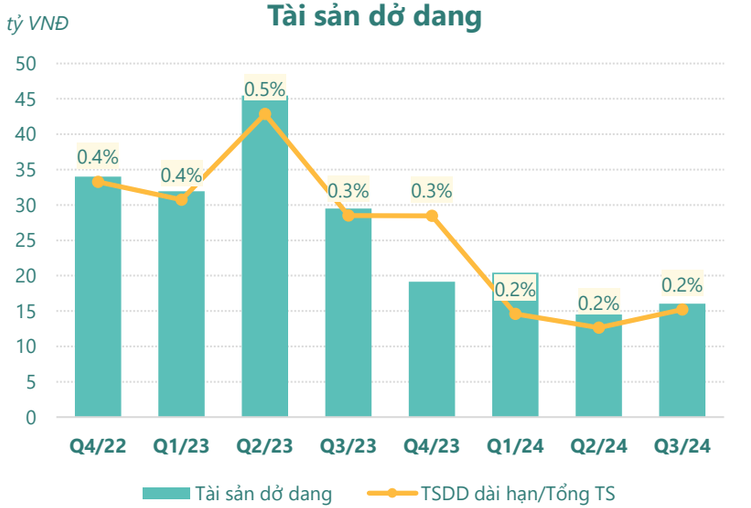

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

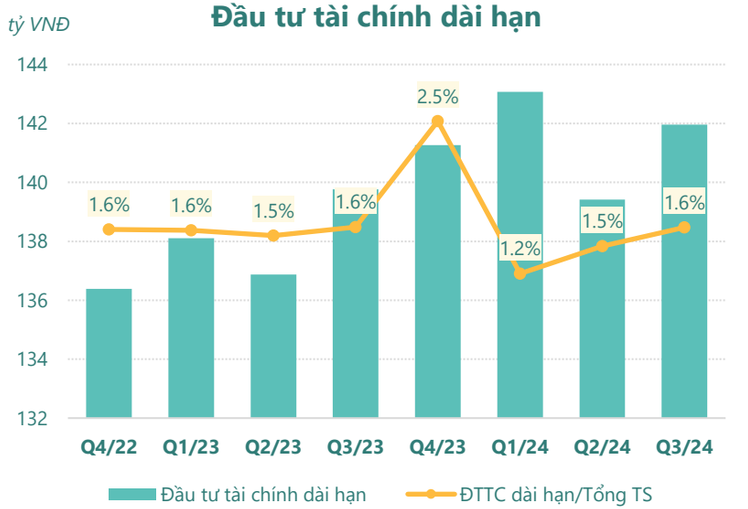

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

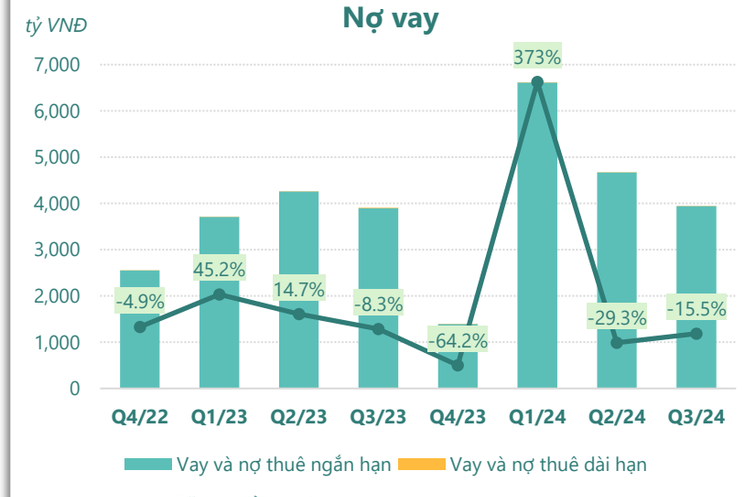

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

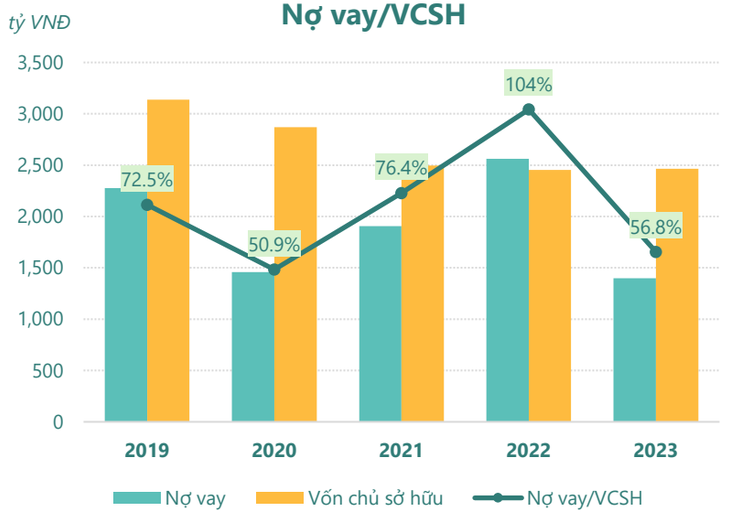

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

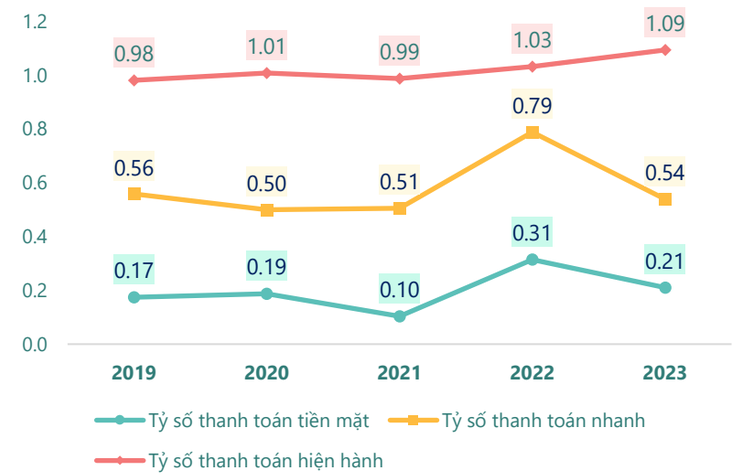

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

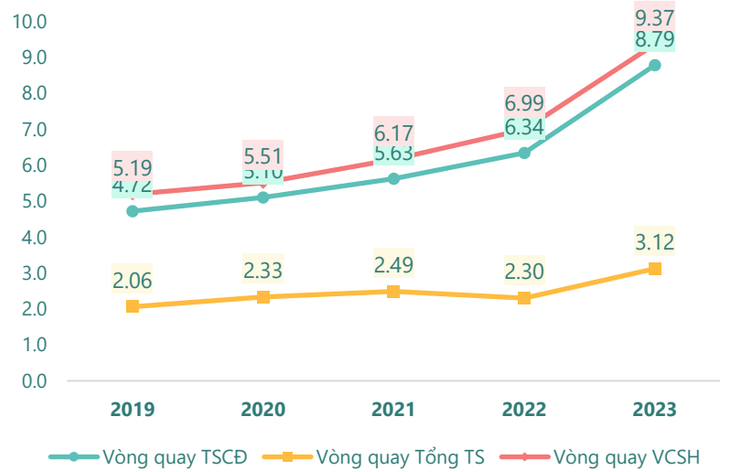

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

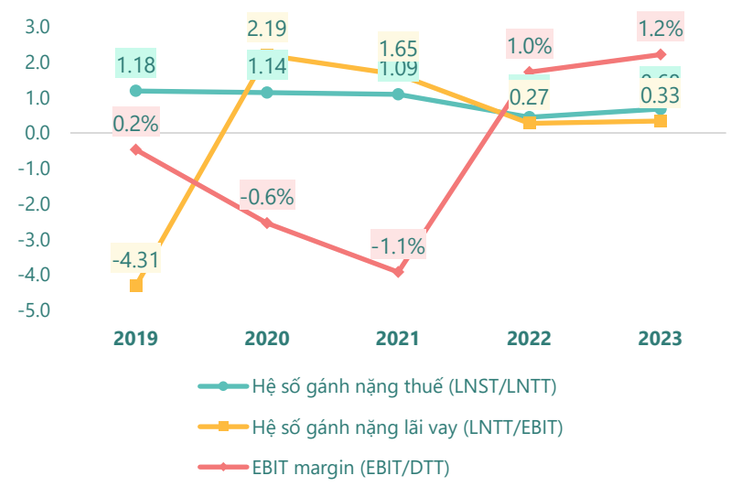

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

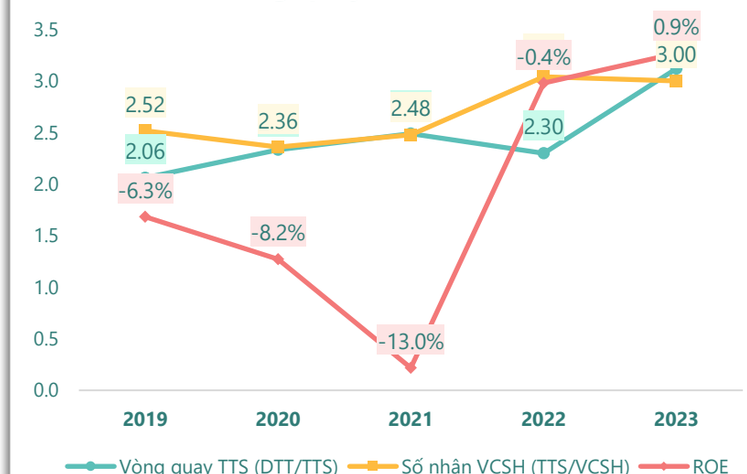

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

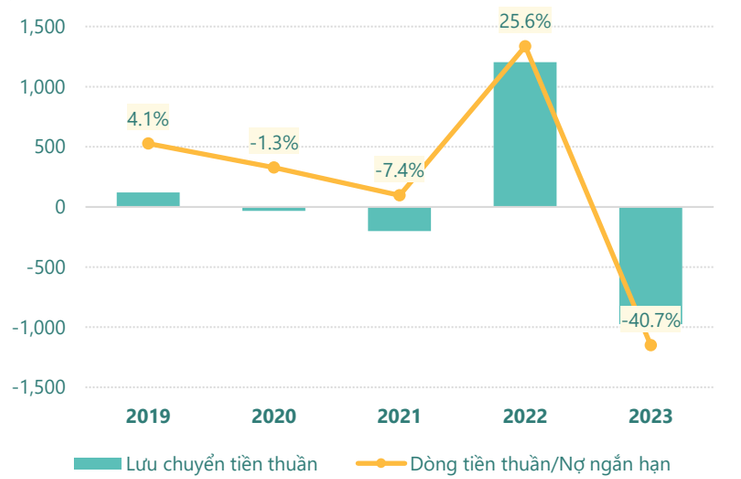

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5,262**	**18,665**	**-71.8%**	**16,505**	**30,002**	**-45.0%**
Giá vốn hàng bán	4,853	17,155	-71.7%	15,189	27,610	-45.0%
Lợi nhuận gộp	409	1,510	-72.9%	1,316	2,392	-45.0%
Doanh thu HĐTC	43.0	174	-75.3%	137	285	-51.9%
Chi phí TC	67.6	343	-80.3%	205	520	-60.6%
Chi phí lãi vay	48.1	154	-68.8%	154	249	-38.0%
LN trong công ty LKLD	**2.44**	**6.46**	**-62.3%**	**6.11**	**10.0**	**-39.1%**
Chi phí bán hàng	252	892	-71.8%	853	1,457	-41.5%
Chi phí QLDN	**126**	**434**	**-70.9%**	**379**	**682**	**-44.4%**
LN thuần từ HĐKD	8.88	22.2	-60.0%	22.7	27.4	-16.9%
Lợi nhuận khác	**2.19**	**24.5**	**-91.1%**	**19.7**	**39.1**	**-49.7%**
LN trước thuế	11.1	46.7	-76.3%	42.4	66.5	-36.2%
Lợi nhuận sau thuế	**6.72**	**31.6**	**-78.7%**	**27.5**	**41.5**	**-33.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.23**	**3.85**	**-94.0%**	**2.76**	**-2.63**	**205%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-489	717	1,995	-5,266	2,206	502
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.51	-5.05	8.94	-17.9	-8.27	-7.73
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	524	-363	-2,510	5,221	-1,969	-741
Tiền đầu kỳ	637	663	1,009	503	440	669
Lưu chuyển tiền thuần	**25.7**	**349**	**-507**	**-63.7**	**228**	**-247**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.72	-2.21	0.89	0.10	0.47	-0.37
Tiền cuối kỳ	663	1,009	503	440	669	422

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,773**	**6,233**	**40.8%**
Tài sản ngắn hạn	5,246	2,618	100%
Tiền và tương đương tiền	422	503	-16.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.5	46.5	32.3%
Phải thu ngắn hạn	782	528	48.0%
Hàng tồn kho	3,770	1,328	184%
Tài sản ngắn hạn khác	211	212	-0.5%
Tài sản dài hạn	**3,527**	**3,614**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	635	626	1.3%
Tài sản cố định	2,496	2,584	-3.4%
Bất động sản đầu tư	19.7	20.0	-1.5%
Tài sản dở dang	16.0	19.1	-16.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	142	141	0.7%
Tài sản dài hạn khác	**218**	**224**	**-2.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,345	3,769	68.4%
Nợ ngắn hạn	**4,973**	**2,394**	**108%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,945	1,393	183%
Phải trả người bán ngắn hạn	215	451	-52.3%
Nợ dài hạn	1,373	1,375	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.55	5.72	-2.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,427**	**2,464**	**-1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**2,427**	**2,464**	**-1.5%**
Vốn điều lệ	5,000	5,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)